

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 179/2018/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn S, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

* *Bị đơn*: Anh **Trần S**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn S, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 - Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2018

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị T và anh Trần S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao con chung Trần H, sinh ngày 09/12/2000 và Trần Q, sinh ngày 23/10/2002 cho anh Trần S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn; giao con chung Trần A, sinh ngày 15/02/2013 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Chị Phạm Thị T và anh Trần S đều xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Chị Phạm Thị T và anh Trần S đều xác định vợ chồng không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Phạm Thị T tự nguyện nhận chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nh- ng đ- ọc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N°0005279 ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Phạm Thị T số tiền chênh lệch là 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), chị T đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh Trần S không phải chịu án phí của vụ án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP.Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP.Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã T (để biết);
- Lưu hồ sơ VA+ TA

Thẩm phán

Phạm Thị Hương Giang